

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày 04 - 02 - 2021

Về việc “*Ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu

2. Bà Trần Thị Sang

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh không tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 157/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Thành T, sinh năm 1958 (vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: K5, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh TV.

2. *Bị đơn:* Bà Mai Thanh T, sinh năm 1960 (vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: K5, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh TV.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Phan Thành T trình bày:

Hôn nhân: Năm 1979 ông Phan Thành T và bà Mai Thanh T xác lập quan hệ hôn nhân, không có đăng ký kết hôn. Từ khi kết hôn ông T và bà Tchung sống với nhau hạnh phúc nhưng khoảng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống không thể giải quyết được, xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Tyêu cầu ly hôn với bà Thủy.

Con chung: Ông Phan Thành T và bà Mai Thanh T có 02 người con chung tên Phan Quang Tuấn, sinh năm 1982 và Phan Thị Thanh Thu, sinh năm 1984. Anh Tuấn và chị Thu đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Tài sản chung: Ông Phan Thành T trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Ông Ttrình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản biên bản ghi lời khai ngày 24/02/2020 bà Mai Thanh T trình bày:* Vào khoảng 1981 bà Mai Thanh T và ông Phan Thành T xác lập quan hệ hôn nhân, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ông Tyêu cầu ly hôn với bà Tlà do ông Tcó người phụ nữ khác. Ông Tyêu cầu ly hôn với bà Tthì bà Tcũng đồng ý theo ý kiến của ông Tiễn.

Trong quá trình chung sống bà Tvà ông Tcó 02 người con chung tên Phan Quang T, sinh năm 1982 và Phan Thị Thanh T, sinh năm 1984. Anh T và chị T đã trưởng thành.

Tài sản chung, nợ chung: Bà Mai Thanh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 02/02/2021 ông Phan Thành T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà Mai Thanh T. Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 11/01/2021 bà Tyêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Phan Thành T và bị đơn Mai Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phan Thành T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Mai Thanh T, bà T cư trú tại K 5, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh TV nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Ông Phan Thành T và Mai Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Ông Phan Thành T và bà Mai Thanh T chung sống với nhau vào khoảng năm 1979 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông T và bà T chung với nhau trước 03/01/1987 nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T là hôn nhân thực tế, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

- Ông Phan Thành T trình bày giữa ông T và bà Mai Thanh T chung sống nhau hạnh phúc nhưng thời gian gần đây giữa ông T và bà T phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông T cho rằng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T trình bày bà đồng ý ly hôn với ông T vì ông T có người phụ nữ khác bên ngoài. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của ông T và bà T có xảy ra nhiều mâu thuẫn vì sau khi thụ lý Tòa án có ra thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự đến Tòa án nhằm động viên phân tích ông T và bà T đoàn tụ nhưng nhiều lần bà T không đến Tòa án, Tòa án tiến hành lấy lời khai thì bà T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T (bút lục 14). Ông T có đến Tòa án theo giấy triệu tập nhiều lần trình bày ý kiến là cương quyết ly hôn với bà T vì mâu thuẫn đã trầm trọng không chung sống với bà T. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân của ông T và bà T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên cho ông T ly hôn với bà T là có cơ sở.

[3] Con chung: Ông Phan Thành T và bà Mai Thanh T trình bày có 02 người con chung đã trưởng thành, lập gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông Phan Thành T và Mai Thanh T trình bày tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Ông T và bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Án phí: Do ông Phan Thành T là người trên 60 tuổi là người cao tuổi nên được miễn án phí hôn nhân sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông Phan Thành T. Cho ông Phan Thành T được ly hôn với bà Mai Thanh T.

Con chung: Các con của ông T và bà T đã trưởng thành, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tài sản chung: Ông T và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Ông T và bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Do ông Phan Thành T là người cao tuổi nên miễn toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai số 0004968 ngày 23/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của đương sự.

** Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Thu Trang